

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1069/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hoàng Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;  
2. Bà Trần Quang Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 649/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 671/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Huỳnh N, sinh năm 1995;

HKTT: Ấp B 3, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: 87/67 đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1994;

Địa chỉ: 80/4 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Phạm Huỳnh N trình bày:*

Bà và ông Huỳnh Tấn Đ đã kết hôn vào ngày 16/11/2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Đ có dùng vũ lực nhiều lần

đánh nhau. Bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 3/2022. Vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không Đ được kết quả nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

*Bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ trình bày:*

Quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời bà N trình bày. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông Đ không đồng ý vì ông vẫn còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Hai bên xác định có 01 con chung tên Huỳnh Quốc Thịnh, sinh ngày 30/12/2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ cũng đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo qui định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của bà N và ông Đ cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông Đ không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 30/12/2020 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 16/11/2020 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Huỳnh N và ông Huỳnh Tấn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Huỳnh Tấn Đ cư trú tại quận T. Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## 2. Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Tấn Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án tổng đặt hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà N.

## 3. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Phạm Huỳnh N yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Tấn Đ.

Theo lời trình bày của bà N, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống và tính tình không hòa hợp, bà và ông Đ đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Ông Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như lời bà N trình bày nhưng ông vẫn còn yêu thương bà N nên không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải đoàn tụ được, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà N, ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà N và ông Đ xác định có 01 chung tên Huỳnh Quốc Thịnh, sinh ngày 30/12/2020, khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Đ cũng đồng ý giao con chung cho bà Phạm Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận và giao con chung tên Huỳnh Quốc Thịnh cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Phạm Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Huỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Huỳnh N được ly hôn với ông Huỳnh Tấn Đ. Quan hệ hôn nhân của bà Phạm Huỳnh N và ông Huỳnh Tấn Đ (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang cấp ngày 16/11/2020) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 30/12/2020 cho bà Phạm Huỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Huỳnh Tấn Đ do bà N không yêu cầu.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Phạm Huỳnh N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0035719 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Bà Phạm Huỳnh N; ông Huỳnh Tấn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Hoàng Lâm**